

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2011 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc

**3. Tình hình kinh doanh năm 2011**

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

**4. Cam kết của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

**6. Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**

Số: 12.140/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>162.744.838.641</b>	<b>212.318.822.870</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>18.666.416.154</b>	<b>10.442.030.032</b>
1. Tiền	111		8.666.416.154	10.442.030.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>124.483.351.510</b>	<b>161.672.714.556</b>
1. Phải thu khách hàng	131		117.985.851.897	149.213.143.654
2. Trả trước cho người bán	132		3.615.603.973	9.345.207.553
3. Phải thu nội bộ	133		81.895.640	7.949.324
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		2.800.000.000	3.106.414.025
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>14.283.093.849</b>	<b>31.343.904.069</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.058.580.267	31.343.904.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(775.486.418)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.311.977.128</b>	<b>8.860.174.213</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	345.807.967	3.923.861.865
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.046.892.597	1.919.016.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.919.276.564	3.017.295.439

(phần tiếp theo trang 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.863.429.145</b>	<b>43.914.061.620</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.875.908.971</b>	<b>32.590.404.880</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	19.351.122.965	5.762.525.420
+ Nguyên giá	222		31.984.998.479	15.895.363.666
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.633.875.514)	(10.132.838.246)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	21.524.786.006	
+ Nguyên giá	228		23.379.418.536	1.090.547.330
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.854.632.530)	(1.090.547.330)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230			26.827.879.460
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>11.043.598.647</b>	<b>11.323.656.740</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.800.000.000	14.729.067.050
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.756.401.353)	(3.805.410.310)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>943.921.527</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		943.921.527	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>215.608.267.786</b>	<b>256.232.884.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.114.157.858</b>	<b>165.990.857.358</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>124.114.157.858</b>	<b>165.990.857.358</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	54.593.714.950	64.375.517.686
2. Phải trả người bán	312	5.10	54.371.959.057	81.804.330.208
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	6.767.546.841	13.127.849.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.11	5.715.954.986	2.112.224.058
5. Phải trả người lao động	315	5.12	1.202.653.413	271.200.000
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317		81.895.640	7.949.324
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	1.380.432.971	4.291.786.968
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.494.109.928</b>	<b>90.242.027.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14.1	<b>91.494.109.928</b>	<b>90.242.027.132</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	1.123.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			(330.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(101.006.412)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.146.765.974	1.260.076.573
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14.5	9.996.341.826	8.732.284.843
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>215.608.267.786</b>	<b>256.232.884.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD		200,10	455,37
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		335.226.739.297	281.800.426.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		345.405.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	334.881.334.297	281.800.426.317
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	262.887.434.311	225.213.496.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.993.899.986	56.586.929.959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.418.035.410	1.450.029.981
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.837.729.401	15.744.500.503
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		10.854.405.357	6.651.821.033
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	14.332.269.919	12.410.590.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	31.751.627.359	24.033.519.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.490.308.717	5.848.348.967
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.955.137.214	15.653.204.639
12. Chi phí khác	32		716.392.421	15.655.702.203
13. Lợi nhuận khác	40		3.238.744.793	(2.497.564)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.729.053.510	5.845.851.403
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.081.200.470	1.506.966.313
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.647.853.040	4.338.885.090

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		365.478.814.926	273.873.766.448
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(302.456.325.488)	(237.297.588.301)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.177.155.155)	(18.775.590.247)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.717.165.978)	(6.651.821.033)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.506.966.313)	(683.475.098)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.322.859.899	7.002.177.978
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(635.748.369)	(8.316.258.427)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</b>	<b>20</b>		<b>37.308.313.522</b>	<b>9.151.211.320</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(11.672.315.986)	(20.845.812.579)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		20.718.437	15.424.991.460
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.200.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(355.560.000)	(2.245.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.211.830.500	6.747.720.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		983.228.726	648.680.287
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.612.098.323)</b>	<b>(269.420.832)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		330.000	28.842.530.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		195.491.925.366	194.537.469.727
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205.371.227.051)	(229.108.260.198)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.592.857.392)	(2.159.885.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.471.829.077)</b>	<b>(7.888.145.971)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.224.386.122</b>	<b>993.644.517</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>10.442.030.032</b>	<b>9.448.385.515</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>18.666.416.154</b>	<b>10.442.030.032</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ANH TUẤN

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2011 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Máy móc thiết bị	2 – 3 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	4 năm
+ Phần mềm quản lý	3 năm
+ Quyền sử dụng đất	30 năm

### 4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:  
Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	384.311.653	1.223.870.788
Tiền gửi ngân hàng	8.282.104.501	9.218.159.244
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.666.416.154</b>	<b>10.442.030.032</b>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi kỳ hạn 7 ngày tại ngân hàng với lãi suất 0,02%/ngày.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	117.985.851.897	149.213.143.654
Trả trước cho người bán	3.615.603.973	9.345.207.553
Phải thu nội bộ ngắn hạn	81.895.640	7.949.324
Các khoản phải thu khác	2.800.000.000	3.106.414.025
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>124.483.351.510</b>	<b>161.672.714.556</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>124.483.351.510</b>	<b>161.672.714.556</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 8.870.297.753 đồng – Xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác là khoản cho bên liên quan vay – Xem thêm mục 7.

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tại kho Công ty	6.746.387.813	24.941.979.790
Hàng đã xuất kho và giao cho khách hàng	7.925.834.452	5.930.490.766
Kho theo dõi hàng cho thuê	283.705.683	361.060.178
Kho theo dõi hàng Hà Nội	102.652.319	110.373.335
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>15.058.580.267</b>	<b>31.343.904.069</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(775.486.418)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>14.283.093.849</b>	<b>31.343.904.069</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	345.807.967	206.041.404
Chi phí chờ kết chuyển	-	3.717.820.461
<b>Tổng cộng</b>	<b>345.807.967</b>	<b>3.923.861.865</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2.023.833.462	1.597.347.950
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.895.443.102	1.419.947.489
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.919.276.564</u></b>	<b><u>3.017.295.439</u></b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	15.642.263.652	253.100.014	15.895.363.666
Mua trong năm	-	2.267.398.397	-	2.267.398.397
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.812.723.510	-	-	14.812.723.510
Thanh lý, nhượng bán	-	(990.487.094)	-	(990.487.094)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>14.812.723.510</u></b>	<b><u>16.919.174.955</u></b>	<b><u>253.100.014</u></b>	<b><u>31.984.998.479</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	10.009.100.459	123.737.787	10.132.838.246
Khấu hao trong năm	492.670.080	2.851.081.996	67.493.337	3.411.245.413
Thanh lý, nhượng bán	-	(910.208.145)	-	(910.208.145)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>492.670.080</u></b>	<b><u>11.949.974.310</u></b>	<b><u>191.231.124</u></b>	<b><u>12.633.875.514</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	5.633.163.193	129.362.227	5.762.525.420
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>14.320.053.430</u></b>	<b><u>4.969.200.645</u></b>	<b><u>61.868.890</u></b>	<b><u>19.351.122.965</u></b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 14.320.053.430 đồng – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.301.435.521 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	1.090.547.330	1.090.547.330
Đầu tư hoàn thành	22.144.596.006	144.275.200	22.288.871.206
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.144.596.006</b>	<b>1.234.822.530</b>	<b>23.379.418.536</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.090.547.330	1.090.547.330
Khấu hao trong năm	738.153.200	25.932.000	764.085.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>738.153.200</b>	<b>1.116.479.330</b>	<b>1.854.632.530</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>21.406.442.806</b>	<b>118.343.200</b>	<b>21.524.786.006</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 21.406.442.806 đồng  
 – Xem thêm mục 5.9.

**5.8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	13.800.000.000	14.729.067.050
Đầu tư dài hạn khác	-	400.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>15.129.067.050</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.756.401.353)	(3.805.410.310)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11.043.598.647</b>	<b>11.323.656.740</b>

Đầu vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu CTCP Công nghệ mạng Việt Thành Công	1.380.000	13.800.000.000	1.178.907	11.789.067.050
Cổ phiếu CTCP Công Nghệ Mạng & Thông Tin Việt	-	-	294.000	2.940.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.380.000</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>1.472.907</b>	<b>14.729.067.050</b>

Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Thông Tin Việt đã được giải thể theo Quyết định giải thể số 01/QĐ – HĐTV ngày 30/12/2010.

**5.9. Vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	47.334.914.950	63.375.517.686
Vay đối tượng khác	7.258.800.000	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.593.714.950</b>	<b>64.375.517.686</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 19,2%/năm đến 22%/năm đối với VNĐ và từ 6,5%/năm đến 8,5%/năm đối với USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 83B Đường Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Công trình xây dựng văn phòng và Quyền sử dụng đất thuê và tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 14.320.053.430 đồng và 21.406.442.806 đồng – xem thêm mục 5.6 và mục 5.7.
- Quyền đòi nợ chưa hình thành và hàng hóa, thiết bị điện tử tin học, phần mềm,... là hàng hóa hình thành từ vốn vay được nhận kèm theo quyền đòi nợ chưa hình thành.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng riêng biệt.

Vay đối tượng khác là khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn 1 năm và chịu lãi suất 7%/năm.

### 5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	54.371.959.057	81.804.330.208
Người mua trả tiền trước	6.767.546.841	13.127.849.114
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.139.505.898</b>	<b>94.932.179.322</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.200.470	1.506.966.313
Thuế giá trị gia tăng	2.263.949.637	338.340.569
Thuế nhập khẩu	246.986.042	91.895.463
Thuế thu nhập cá nhân	123.818.837	157.127.324
Thuế nhà thầu	-	17.894.389
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.715.954.986</b>	<b>2.112.224.058</b>

### 5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2011 còn phải trả.

### 5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	456.926.786	363.635.316
Các khoản phải trả, phải nộp khác	917.603.108	1.018.371.652
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.903.077	-
Chi phí triển khai dự án	-	2.909.780.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.380.432.971</b>	<b>4.291.786.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	43.198.040.000	7.960.553.900	(330.000)	(991.369.527)	349.878.228	1.075.056.573	6.738.305.253	58.330.134.427
Tăng vốn trong năm trước	36.801.960.000	(7.959.430.000)	-	-	-	-	-	28.842.530.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.338.885.090	4.338.885.090
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.159.885.500)	(2.159.885.500)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	185.020.000	(185.020.000)	-
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	890.363.115	-	-	-	890.363.115
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>1.123.900</b>	<b>(330.000)</b>	<b>(101.006.412)</b>	<b>349.878.228</b>	<b>1.260.076.573</b>	<b>8.732.284.843</b>	<b>90.242.027.132</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	8.647.853.040	8.647.853.040
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	330.000	-	-	-	-	330.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.110.216.000)	(7.110.216.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	273.580.057	(273.580.057)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(386.890.656)	-	(386.890.656)
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	101.006.412	-	-	-	101.006.412
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>1.123.900</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>349.878.228</b>	<b>1.146.765.974</b>	<b>9.996.341.826</b>	<b>91.494.109.928</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	27.013.590.000	25.322.760.000
Cổ đông khác	52.986.410.000	54.677.240.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**5.14.3. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	7.110.216.000	2.159.885.500
Cổ tức đã chia là cổ tức năm 2010.		

**5.14.4. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	33
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	7.999.967
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.14.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.732.284.843	6.738.305.253
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.647.853.040	4.338.885.090
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(273.580.057)	(185.020.000)
Chia cổ tức	(7.110.216.000)	(2.159.885.500)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>9.996.341.826</b>	<b>8.732.284.843</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	325.451.935.806	260.988.673.552
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.774.803.491	20.811.752.765
Hàng bán trả lại	(305.280.000)	-
Giảm giá hàng bán	(40.125.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>334.881.334.297</b>	<b>281.800.426.317</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	256.400.125.055	214.493.770.060
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.487.309.256	10.719.726.298
<b>Tổng cộng</b>	<b>262.887.434.311</b>	<b>225.213.496.358</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	983.228.726	159.504.492
Lãi chênh lệch tỷ giá	434.806.684	800.925.489
Thu từ chuyển nhượng vốn	-	489.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.418.035.410</b>	<b>1.450.029.981</b>

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.854.405.357	6.651.821.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.106.394.534	6.996.066.591
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.876.929.510	2.096.612.879
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.837.729.401</b>	<b>15.744.500.503</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	5.366.206.933	4.843.653.739
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.498.543	219.187.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.297.669.076	1.305.654.763
Chi phí bảo hành	163.936.945	528.477.508
Chi phí Pre-sales	1.173.392.561	1.120.991.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.793.404.163	1.462.029.272
Chi phí bằng tiền khác	3.380.161.698	2.930.596.985
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.332.269.919</b>	<b>12.410.590.771</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	18.957.045.068	15.766.002.211
Chi phí công cụ quản lý	601.498.859	227.991.607
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.621.692	78.380.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.843.664.286	1.811.750.520
Chi phí thuế, phí, lệ phí	21.891.000	42.895.000
Phí chuyển tiền	1.171.874.237	291.514.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.122.518.434	4.023.112.386
Chi phí bằng tiền khác	2.907.513.783	1.791.872.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.751.627.359</b>	<b>24.033.519.699</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	23.354.799	15.424.718.730
Thu nhập khác	3.931.782.415	228.485.909
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.955.137.214</b>	<b>15.653.204.639</b>

Thu nhập khác là thu nhập nhận được từ hợp đồng liên doanh nhà thầu với Compass Plus theo thỏa thuận số 496 ngày 16/3/2011.

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.729.053.510	5.845.851.403
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	595.748.368	171.539.059
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(101.006.412)
Trừ thu nhập khác (từ hoạt động đầu tư; mua bán BĐS)	-	(378.118.800)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	12.324.801.878	5.538.265.250
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.081.200.470	1.384.566.313
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	-	122.400.000
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>3.081.200.470</b>	<b>1.506.966.313</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng Việt Thành Công	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	11.670.297.753	58.449.203.560

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cho vay	6.000.000.000	-
Lãi tiền cho vay	826.000.000	-
Góp vốn	2.010.932.950	2.150.000.000
Bán hàng	-	53.286.164.144

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	818.301.850	735.096.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	662.199.090	454.848.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.480.500.940</b>	<b>1.189.944.800</b>

### 8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.666.416.154	10.442.030.032
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.785.851.897	152.319.557.679
Tài sản tài chính khác	1.895.443.102	1.419.947.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.347.711.153</b>	<b>164.181.535.200</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	54.593.714.950	64.375.517.686
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.562.165	85.732.481.860
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.883.277.115</b>	<b>150.107.999.546</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
USD	1.232.926,92	83.437,20	200,10	455,28

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.562.165	-	55.289.562.165
Các khoản vay	54.593.714.950	-	54.593.714.950
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	85.732.481.860	-	85.732.481.860
Các khoản vay	64.375.517.686	-	64.375.517.686

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.785.851.897	-	120.785.851.897
Tài sản tài chính khác	1.895.443.102	-	1.895.443.102
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.319.557.679	-	152.319.557.679
Tài sản tài chính khác	1.419.947.489	-	1.419.947.489

**9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 3 năm 2012.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**